TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Thiện; bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ A, ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Cao Văn M, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ A, ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Chị S, anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh M tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh vào năm 2008. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị thì lúc mới sống chung thì hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh M không tôn trọng chị và thường xuyên đánh đập chị nên chị đã phải bỏ nhà đi sống nơi khác, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng;

nay sống ly thân đã lâu nên không còn tình cảm vợ chồng, nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị và anh M chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Cao Thị Thu H, sinh ngày 21-7-1997. Hiện tại con chung đã thành niên tự lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 7 năm 2024, bị đơn anh Cao Văn M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị S tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị S phát sinh mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân. Nay chị S xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị S chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Cao Thị Thu H, sinh ngày 21-7-1997. Hiện tại con chung đã thành niên, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chị S, anh M có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị S1, anh M.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với anh Cao Văn M.

+ Về con chung: Chị S và anh M khai có 01 con chung tên Cao Thị Thu H, sinh ngày 21-7-1997, hiện đã thành niên và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị S và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu S, anh Cao Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 238, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của chị S; biên bản lấy lời khai anh M:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D năm 2008, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị S, anh M và chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị S và anh M tự nguyện chung sống vợ chồng, nhưng đời sống chung không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị S xin ly hôn và tại biên bản lấy lời khai ngày 26-7-2024, anh M đồng ý ly hôn nên chấp nhận. Cho chị Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với anh Cao Văn M.

[2.2] Về con chung: Chị S và anh M có 01 con chung tên là Cao Thị Thu H, sinh ngày 21-7-1997. Hiện tại cháu Cao Thị Thu H đã thành niên, tự lao động được nên chị S và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Cao Văn M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu S. Cho chị Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với anh Cao Văn M.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Cao Văn M thống nhất khai có 01 con chung tên Cao Thị Thu H, sinh ngày 21-7-1997. Ghi nhận chị S và anh M thống nhất khai cháu Cao Thị Thu H đã thành niên, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thu S và anh Cao Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm chị S đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007908 ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị S đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho chị Nguyễn Thị Thu S và anh Cao Văn M biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Dương Minh Châu;
- Chi cục THA DS huyện DMC;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn